TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29/8/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Nguyễn Văn Kiểm

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:150/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị P1 kết hôn ngày 17 tháng 6 năm 2011, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị P1 về nhà anh làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8/ 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau chị P1 đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh T làm đơn xin ly hôn chị P1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011; Lê Quốc T1, sinh ngày 21/01/2015. Nay ly hôn anh xin nuôi con chung là Lê Thị Quỳnh L, để chị P1 nuôi con chung là Lê Quốc T1; Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc anh T xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Tại bản khai của chị Nguyễn Thị Phương trình b: Việc kết hôn như anh T trình bầy là đúng. Chị kết hôn cùng anh T cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2011. Đăng ký kết hôn tại UBND xã P, Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên sảy ra bất đồng cãi nhau, chị đã về nhà mẹ đẻ tháng 7/ 2022, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung vợ chồng có hai con chung như anh T trình bầy là đúng. Nay ly hôn chị xin được nuôi con chung là Lê Quốc T1, sinh ngày 21/01/2015, còn cháu Lê Thị Quỳnh L sinh ngày 23/11/2011 giao cho anh T nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu giải quyết. Nay vì lý do công việc chị đi làm công ty không xin nghỉ được nên chị đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa xét xử.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử cho anh Lê Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011, giao cho chị Nguyễn Thị P nuôi con chung là Lê Quốc T1 sinh ngày 21/01/2015; Về cấp dưỡng nuôi con chị P, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị P, chị P là bị đơn có nơi cư trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp ly hôn là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh tùng, chị P đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị P kết hôn ngày 17/6/ 2011 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T nên hôn nhân giữa anh T và chị P là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn, anh T và chị P đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn cãi nhau, đến tháng 7/2022 mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị P đến nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn chị P cũng đồng ý. HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh Lê Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

[3] Về con chung: Anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011 và Lê Quốc T1, sinh ngày 21/01/2015 các con chung khỏe mạnh phát triển bình thường, cháu L đang ở với anh T, cháu T1 đang ở với chị P. Nay ly hôn cháu L có nguyện vọng ở với anh T và anh T có nguyện vọng nuôi cháu L, cháu T1 có nguyện vọng ở với chị P, chị P có nguyện vọng được nuôi cháu T1. Xét thấy về điều kiện nuôi con, cả anh T, chị P đều đủ khả năng, điều kiện nuôi con, hiện tại cháu L đang ở với anh T, cháu T1 đang ở với chị P vì vậy không cần thiết xáo trộn cuộc sống ổn định của các con chung. Nên cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Quỳnh L, giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Quốc T1. Về cấp dưỡng nuôi con anh T, chị P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh T, chị P không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 , khoản 1. Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điêu 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: cho anh Lê Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Quỳnh L, sinh ngày 23/11/2011; giao cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi con là Lê Quốc T1, sinh ngày 21/01/2015. Về cấp dưỡng nuôi con anh T, chị P không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác. Anh T, chị P không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004985 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận anh Lê Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại. Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt án vắng mặt, hoặc kể tử ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh thị Vân Anh